

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓN QUẢN
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Bản án số: 98/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 11-12 – 2020

V/v: Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓN QUẢN, TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hồ Văn Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trương Thị Ngọc Linh

Ông Nguyễn Chí Vương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Lan– Thư ký Tòa án nhân dân huyện Hón Quản.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hón Quản tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Hữu Hùng – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hón Quản xét xử sơ thẩm, công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 423/2020/TLST-HNGĐ ngày 23 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 99/2020/QĐXXST- HNGĐ ngày 19/11/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hón Quản, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị G, sinh năm: 1988;

Trú tại: Tổ 09, ấp Hưng Yên, xã Tân Hưng, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

Bị đơn: Anh Nguyễn Ngọc T, sinh năm 1983;

Trú tại: Tổ 11, ấp Hưng Yên, xã Tân Hưng, huyện Hón Quản, tỉnh Bình Phước.

(Nguyên đơn, bị đơn yêu cầu giải quyết vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 14 tháng 9 năm 2020, bản tự khai và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn trình bày:

Về hôn nhân: Chị G và anh T sau thời gian tự nguyện tìm hiểu và chung sống với nhau vào năm 2011, không có đăng ký kết hôn, nhưng vợ chồng có tổ chức lễ cưới và

được sự đồng ý của hai bên gia đình, sau khi kết hôn thì chị G và anh T sinh sống tại ấp Hưng Yên, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được 07 năm thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng là bất đồng quan điểm sống nên thường xuyên cãi vã nhau, cuộc sống vợ chồng không có hạnh phúc đến năm 2019 thì vợ chồng sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau; mâu thuẫn kéo dài. xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng nên bà Nguyễn Thị G làm đơn xin ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T để ổn định cuộc sống.

Về con chung: Quá trình chung sống với nhau, chị G và anh T có 01 con chung Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh năm: 2013, nay ly hôn thì chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung vì trong quá trình ly thân con chung ở với chị G.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: chị G chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: nguyên đơn khai không có;

Về nợ chung: nguyên đơn khai không nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

Tại bản tự khai, trước khi mở phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Ngọc T trình bày:

Anh T thống nhất với chị G trình bày về thời gian chung sống, con chung, tài sản chung, nợ chung; nguyên nhân mâu thuẫn, do vợ chồng bất đồng quan điểm sống nên vợ chồng hay cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 cho đến nay, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng. Nay chị G làm đơn yêu cầu ly hôn thì anh T đồng ý ly hôn.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng 01 con chung Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh năm: 2013, nay ly hôn anh T đồng ý giao con chung cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng, anh T không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Vợ chồng nợ chung của ai cũng không cho ai vay nợ.

Do chị G và anh T không đăng ký kết hôn nên yêu cầu Tòa án tuyên không công nhận vợ chồng cho họ.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa:

Về tố tụng: Thẩm phán đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự về việc thu thập chứng cứ, giải quyết vụ án từ khi nhận đơn, thụ lý vụ án đến trước khi Hội đồng xét xử mở phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay, Hội đồng xét xử đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự; các đương sự và các thành phần tham gia tố tụng khác đúng theo quy định và đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật trong quá trình tố tụng. Chị G và anh T có đơn xét xử vắng mặt nên đề nghị xét xử vắng mặt các đương sự theo khoản 3 Điều 228

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và trình bày của các đương sự được thẩm tra tại phiên tòa, trình bày của các đương sự và tranh tụng tại phiên tòa.

Về quan hệ hôn nhân: Quá trình giải quyết vụ án và trước khi mở phiên tòa các đương sự đều thuận tình ly hôn. Tuy nhiên, chị G và anh T chung sống với nhau từ năm 2011 mà không có đăng ký kết hôn là vi phạm pháp luật về hôn nhân và gia đình nên đề nghị áp dụng Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 để tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

Về con chung: đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của các đương sự giao con chung cháu Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh năm: 2013 cho chị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng: Chị G không yêu cầu nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự khai không có nên đề nghị không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Chị Nguyễn Thị G khởi kiện yêu cầu ly hôn với anh Nguyễn Ngọc T, anh T có nơi cư trú tại tổ 11, ấp Hưng Yên, xã Tân Hưng, huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước; Căn cứ theo Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

Tại phiên tòa hôm nay chị G và anh T có đơn xin xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3, Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị G và anh T.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị G trình bày bà và anh Nguyễn Ngọc T với nhau vào năm 2011 và không có đăng ký kết hôn, quá trình chung sống vợ chồng có nhiều mâu thuẫn, trong quá trình giải quyết vụ án trước khi mở phiên tòa chị G và anh T cũng xác nhận vợ chồng chung sống nhưng không đăng ký kết hôn và anh T đồng ý ly hôn vì vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau, vợ chồng sống ly thân từ năm 2019 đến nay, tình cảm vợ chồng đã mâu thuẫn trầm trọng không thể chung sống hạnh phúc được.

Hội đồng xét xử xét thấy chị G và anh T sống chung với nhau từ năm 2011 nhưng không có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật đã vi phạm Điều 11 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000. Trong quá trình chung sống chị G và anh T xảy ra mâu thuẫn trầm trọng và đã sống ly thân thời gian dài.

Theo quy định tại Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình, Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10 thì phải tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh năm: 2013. Nay ly hôn, chị G yêu cầu được trực tiếp nuôi con chung, anh T đồng ý giao con chung cho chị G nuôi dưỡng. Đây là sự tự nguyện thỏa thuận của các đương sự, nên cần ghi nhận.

Về cấp dưỡng nuôi con: chị G chưa yêu cầu nên chưa xem xét.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết không có nên không giải quyết.

[5] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

[6] Về ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa: Tại phiên tòa ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hớn Quản có căn cứ pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ nêu trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28; Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 3 Điều 228; Điều 244; Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 11 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2000 và Điều 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Căn cứ Nghị quyết 35/2000/QH10 ngày 09/6/2000 của Quốc Hội về việc thi hành luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 2, chương I, Nghị định số 77/2001/NĐ-CP ngày 22/10/2001 của Chính Phủ quy định chi tiết về đăng ký kết hôn theo Nghị quyết số 35/2000/QH10.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận chị Nguyễn Thị G và anh Nguyễn Ngọc T là vợ chồng.

2. Về con chung: Giao con chung tên Nguyễn Ngọc Thảo M, sinh năm: 2013 cho chị Nguyễn Thị G trực tiếp nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị Nguyễn Thị G chưa yêu cầu nên Tòa án chưa xem xét, giải quyết.

Cha, mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây

ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì lợi ích mọi mặt của con chưa thành niên, khi người trực tiếp nuôi con không còn đủ điều kiện trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con; Khi có lý do chính đáng, mức cấp dưỡng có thể thay đổi.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự khai không có nên không giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị G phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0002272 ngày 12/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hớn Quản, tỉnh Bình Phước.

5. Quyền kháng cáo:

Các đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Phước;
- VKSND huyện Hớn Quản;
- Chi cục THADS huyện Hớn Quản;
- Các đương sự;
- Lưu HS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

ĐÃ KÝ

Hồ Văn Thanh